TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Văn Bé;**
Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung.**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29-10-2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22-11-2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Quyên N, sinh năm 2003; Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Lý Quốc T2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24-9-2024, trong quá trình giải quyết chị Trần Quyên N trình bày:

Tháng 4 năm 2023, chi kết hôn với anh Lý Quốc T2, có tổ chức lễ cưới không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung chị với anh T2 không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có;

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới chị về sống chung bên gia đình anh T2, vợ chồng sống chung lúc đầu hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, đến tháng 7 năm 2023 chị về bên gia đình chị sống cho nên chị với anh T2 ly thân từ đó tháng 7 cho đến nay, thời gian ly thân chị với anh T2 không hàn gắn đoàn tụ được.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lý Quốc T2.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lý Quốc T2 có ý kiến trình bày: Tháng 4 năm 2023, anh kết hôn với chị N có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, trong quá trình sống chung anh với chị N không có con chung, tài sản chung và nợ chung cũng không có.

Nguyên nhân anh với chị N không còn sống chung: Sau ngày cưới vợ chồng sống chung bên gia đình anh ở ấp G, xã H, quá trình sống chung chị N có những lời lẽ hỗn hào với cha mẹ ruột anh, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng cự cãi, mâu thuẫn, sau khi kết hôn được 03 tháng thì chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ: 01 chứng minh nhân dân tên Trần Quyên N (photo); Bị đơn có cung cấp 01 chứng minh nhân dân tên Lý Quốc T2 (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lý Quốc T2 có hộ khẩu thường trú ở huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 có lời khai thống nhất anh, chị sống chung với nhau như vợ chồng vào tháng 4 năm

2023, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị N và anh T2 không có đăng ký kết hôn, trong quá trình giải quyết chị N và anh T2 thống nhất thuận tình ly hôn, do chị N và anh T2 không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không công nhận thuận ly hôn mà căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14 thì chị N với anh T2 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai có, không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân*: Buộc chị Trần Quyên N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Quyên N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Quyên N với anh Lý Quốc T2 thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân: Buộc chị Trần Quyên N phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006338 ngày 22-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Trần Quyên N đã nộp đủ án phí.

Anh Lý Quốc T2 không phải chịu án.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã H;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm